

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày: 23-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Vĩnh Thụy

Ông Huỳnh Văn Rô

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:** Ông Lê Anh Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thanh A sinh ngày 01/01/2000; tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B sinh năm 1978 và bà Lương Thị Ánh T sinh năm 1980; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; ngày 03/8/2021 bị cáo bị tạm giữ chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:**

1/. Ông Phạm Văn D sinh năm 1982; trú ấp: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Bà Phạm Thị Bích T sinh năm 1982; trú ấp: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/. Ông Lại Văn A sinh năm 1996; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Huỳnh Trường G sinh năm 1986; ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có mặt.

3/. Bà Lư Thị Trang Đsinh ngày 04/7/2003; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; tạm trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/3/2021 ông Phạm Văn D điều khiển xe mô tô 84F1-270.22 đến nhà trọ Thiên A thuộc ấp M, xã N, thị xã P chơi. Tại đây bà Lư Thị Trang Đ hỏi mượn xe của ông D đi công việc, xong về trả lại thì ông D đồng ý. Sau đó bà Đ điều khiển xe 84F1-270.22 đến nhà trọ Quỳnh Nh thuộc khóm M, phường N, thị xã P chơi. Lúc ngày khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị cáo Lê Thanh A cũng đang ở nhà trọ Huỳnh Nh nhìn thấy bà Đ vừa điều khiển xe đến, thì A biết xe của ông D, A hỏi bà Đai mượn xe để đi chơi nhưng bà Đ không cho. Sau đó A điện thoại cho ông D hỏi mượn xe để đi chơi và hứa khoảng 19 – 20 giờ mang xe về trả cho ông D thì ông D đồng ý. An nhờ bạn tên Nguyễn Huy Q chở bà Đ về nhà trọ rồi lấy xe đưa lại cho An. Sau khi đưa bà Đai về nhà trọ, Quang quay lại giao xe cho An tại nhà trọ Quỳnh Nh. Ađiều khiển xe mô tô 84F1-270.22 đi Cần Thơ chơi. Đến tối cùng ngày, ông D điện thoại cho bà Đai kêu A mang xe về trả nhưng A không nghe máy. Đến ngày 03/3/2021 A điều khiển xe mô tô 84F1-270.22 về đến Trà Vinh thì hết tiền nên nảy sinh ý định cầm xe để lấy tiền tiêu xài. Sau đó A cầm xe mô tô 84F1-270.22 cho một người tên U (không rõ họ tên và địa chỉ) với số tiền 5.000.000 đồng. Đến chiều ngày 03/3/2021 ông D điện thoại cho A hỏi xe đâu thì An nói bị giao thông bắt, hứa vài ngày sau sẽ lấy xe ra trả cho ông D. Đến ngày 04/3/2021 ông D nhiều lần điện thoại cho A thì A thừa nhận đã cầm xe ở Trà Vinh với giá 5.000.000 đồng, số tiền này A đã tiêu xài hết. Sau đó ông Dtiếp tục điện thoại cho A nhiều lần để đòi xe thì A không bắt máy, ông D đã tìm kiếm A nhưng không gặp. Đến ngày 20/5/2021 ông D trình báo Công an.

Quá trình xác minh đã chứng minh được: vào khoảng đầu tháng 7 năm 2021 A còn mượn xe mô tô 84K1-1432, nhãn hiệu GALAXY, màu xanh của một người tên Lại Văn A sinh năm 1996 ở ấp M, xã N, thị xã P để làm phương tiện đi làm. Đến khoảng giữa tháng 7/2021, A mang xe mô tô 84k1-1432 bán phế liệu cho ông Huỳnh Trường G ở ấp M, xã N, thị xã P với giá 1.500.000 đồng, số tiền này A đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 31/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô biển số 84K1- 270.22, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, đã qua sử dụng, có giá 24.930.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô biển số 84K1-1432, nhãn hiệu GALASY, có giá 1.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS-HS ngày 19/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Lê Thanh A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và thống nhất về kết luận định của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Thanh A bồi thường cho ông Lê Văn D và bà Phạm Thị Bích T số tiền 15.000.000 đồng và ông Huỳnh Trường G số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo không phát biểu tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 17 giờ ngày 02/3/2021 tại nhà trọ Quỳnh Nh thuộc khóm 30/4, phường N, thị xã P bị cáo A điện thoại cho ông D hỏi mượn xe mô tô biển số 84K1- 270.22, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius của ông D đi chơi và hứa khoảng 19-20 giờ cùng ngày thì mang xe về trả. Đến ngày 03/3/2021 thì hết tiền tiêu xài nên bị cáo A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của ông D, do đó bị cáo mang xe đi cầm cố với số tiền 5.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân

và nói dối với ông D là xe bị giao thông bắt, sau đó ông D nhiều lần điện thoại cho A và tìm kiếm A nhưng không gặp được nên ông D trình báo Công an.

[2] Bị cáo A là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhận biết việc thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên vì lòng tham nên sau khi mượn số 84K1- 270.22, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius của ông D để đi chơi và hết tiền xài thì bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông D, bị cáo đem xe đi cầm cố lấy 5.000.000 đồng tiêu xài. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 24.930.000 đồng, như vậy hành vi của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; hành vi của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm mất trật tự xã hội tại địa phương, tài sản bị cáo chiếm đoạt 24.930.000 đồng. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Phân luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với hành vi của bị cáo An lấy xe mô tô 84K1-1432 của ông A bán phế liệu cho ông G. Hội đồng xét xử xét thấy: tháng 7/2021 ông A cho An mượn xe 84K1-1432 làm phương tiện đi làm. Đến giữa tháng 7/2021 A đem xe đi bán phế liệu để lấy tiền tiêu xài. Tài sản được định giá 1.600.000 đồng là chưa đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với ông G mua tài sản là xe mô tô của ông A nhưng không biết tài sản do bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt được, bà Đ là người giao xe cho bị cáo A khi được ông D đồng ý cho bị cáo A mượn và không biết việc bị cáo A lạm dụng chiếm đoạt tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Riêng người bị cáo cầm cố xe, bị cáo khai tên U, nhưng chưa xác định được đầy đủ họ tên và địa chỉ và nội dung việc cầm cố nên khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo A đồng ý bồi thường cho ông D và bà T số tiền 15.000.000 đồng và ông G số tiền 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo A bồi thường cho D và bà T số tiền 15.000.000 đồng và ông G 1.500.000 đồng.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 825.000 đồng án phí dân sự.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh A phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh A 01 (một) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Lê Thanh A được tính từ ngày 03/8/2021.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Thanh A bồi thường cho ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị Bích T số tiền 15.000.000 đồng; buộc bị cáo Lê Thanh A bồi thường cho ông Huỳnh Trường G số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lê Thanh A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 825.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Truyền**